

Bản án số: 98/2026/HS-ST
Ngày: 31-7-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Văn Nhậm
- Ông Đào Cẩm Thạch

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Phương - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Tây Ninh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hữu Trọn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 và 31 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 91/2026/HSST ngày 07 tháng 07 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2026/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 07 năm 2026 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Duy T**; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam, sinh ngày: 01 tháng 01 năm 1970 tại tỉnh Tây Ninh; hộ khẩu thường trú: **H ấp A, xã M, tỉnh Tây Ninh**; nơi ở hiện tại: **H ấp A, xã M, tỉnh Tây Ninh**; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Số CCCD: 080070001682, cấp ngày 13 tháng 6 năm 2024, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 06/12; họ và tên cha: **Nguyễn Văn N**, sinh năm: 1948; họ và tên mẹ: **Lê Thị Đ** (đã chết); là con út trong gia đình có 03 người con; vợ: **Ngô Thị Kim H**, sinh năm: 1979 (đã ly hôn); con: **Nguyễn Thị Kim D**, sinh năm: 1995; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/4/2026 đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: **Trương Thanh H1**; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày: 01 tháng 01 năm 1972 tại tỉnh Vĩnh Long; hộ khẩu thường trú: Ô2 14/137 **ấp N, xã T, tỉnh Tây Ninh**; nơi ở hiện tại: Ô2 14/137 **ấp N, xã T, tỉnh Tây Ninh**; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Số CCCD: 083072013464 cấp ngày 26 tháng 02 năm 2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 06/12; họ và tên cha: **Trương Văn Đ1** (đã chết); họ và tên mẹ: **Nguyễn Thị M** (đã chết); là con thứ 5

trong gia đình có 08 người con; bị cáo không có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/4/2026 đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

3. Họ và tên: **Nguyễn Văn D1**; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam, sinh ngày: 01 tháng 01 năm 1972 tại tỉnh Tây Ninh; hộ khẩu thường trú: **A, ấp N, xã T, tỉnh Tây Ninh**; Nơi ở hiện tại: **A, ấp N, xã T, tỉnh Tây Ninh**; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Số CCCD: 080072011694, cấp ngày 25 tháng 12 năm 2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH; nghề nghiệp: Thợ hàn; Trình độ học vấn: 07/12; họ và tên cha: **Nguyễn Văn T1** (đã chết); họ và tên mẹ: **Nguyễn Thị A** (đã chết); là con út trong gia đình có 05 người con; vợ: Không có; con: **Đậu Nguyễn Quốc T2**, sinh năm: 2020; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/4/2026 đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

4. Họ và tên: **Nguyễn Minh T3**; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày: 04 tháng 12 năm 1977 tại tỉnh Tây Ninh; hộ khẩu thường trú: 72/3 **ấp A, xã M, tỉnh Tây Ninh**; nơi ở hiện tại: **7 ấp A, xã M, tỉnh Tây Ninh**; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Số CCCD: 080077016300 cấp ngày 16 tháng 8 năm 2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 07/12; họ và tên cha: **Nguyễn Văn T4** (đã chết); họ và tên mẹ: **Nguyễn Thị H2** (đã chết); là con út trong gia đình có 04 người con; vợ: **Nguyễn Thị Thùy V**, sinh năm: 1977; con: Có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2008; nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/4/2026 đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Bà **Lê Thị B**, sinh năm: 1967

Địa chỉ: **ấp A, xã T, tỉnh Tây Ninh**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ ngày 14/02/2026, **Nguyễn Duy T** đi bộ từ nhà đến quán nước của bà **Lê Thị B**, sinh năm: 1967, nơi thường trú: **ấp A, xã T, tỉnh Tây Ninh** để uống nước thì gặp **Trương Thanh H1**, **Nguyễn Văn D1** và **Nguyễn Minh T3** đến ngồi uống nước chung. Ngồi uống nước được một lúc thì **T** rủ **H1**, **D1**, **T3** đánh bài thắng thua bằng tiền thì tất cả đều đồng ý, **T** nhìn xung quanh thấy 01 bộ bài Tây 52 lá có sẵn để trong góc quán nên đến lấy cho cả nhóm cùng chơi. Cả nhóm thống nhất chơi bài binh xập xám 13 lá chia thành 04 tụ, mỗi người làm cái 02 ván xoay vòng, tiền đặt cược mỗi ván 50.000 đồng và so kết quả với người làm cái. Đến khoảng 23 giờ 50 phút cùng ngày, cả nhóm chơi được khoảng 06 ván thì bị Công an phát hiện bắt quả tang và điều tra xác định số tiền đánh bạc như sau: **Nguyễn Duy T** mang theo 800.000 đồng để đánh bạc,

tại thời điểm bị bắt quả tang thua hết 300.000 đồng, còn lại 500.000 đồng để trên chiếu bạc (trên bàn). **Nguyễn Minh T3** mang theo số tiền 1.100.000 đồng để đánh bạc, tại thời điểm bị bắt quả tang thua hết 300.000 đồng, còn lại 800.000 đồng để trên chiếu bạc (trên bàn). **Trương Thanh H1** mang theo số tiền 1.800.000 đồng để đánh bạc, tại thời điểm bị bắt quả tang thắng 400.000 đồng, tổng số tiền thắng và tiền vốn là 2.200.000 đồng để trên chiếu bạc (trên bàn). **Nguyễn Văn D1** mang theo 1.400.000 đồng để đánh bạc, tại thời điểm bị bắt quả tang thắng được 200.000 đồng, tổng số tiền thắng và tiền vốn là 1.600.000 đồng, để trên chiếu bạc (trên bàn). Tổng số tiền thu được trên bàn mà các đối tượng dùng để đánh bạc là 5.100.000 đồng.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, **Nguyễn Duy T**, **Trương Thanh H1**, **Nguyễn Văn D1** và **Nguyễn Minh T3** khai nhận toàn bộ hành vi đánh bạc ăn thua bằng tiền của mình và được hưởng tình tiết thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật: 01 bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng; Tiền Việt Nam: 5.100.000 đồng; 01 cái bàn khung bằng sắt, mặt gạch dài 01m, ngang 50cm, cao 50cm; 04 cái ghế nhựa tựa lưng màu đỏ. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trao trả cho bà **Lê Thị B** gồm: 01 cái bàn khung bằng sắt, mặt gạch dài 01m, ngang 50cm, cao 50cm; 04 cái ghế nhựa tựa lưng màu đỏ.

Đồ vật, tài liệu còn lại Cơ quan Cảnh sát điều tra đang tạm giữ chờ xử lý gồm: 01 bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng và tiền Việt Nam 5.100.000 đồng theo lệnh nhập vật chứng số 892/LNK-VPCQCSĐT và 893/LNK-VPCQCSĐT cùng ngày 08/6/2026 của Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh T**, giữ tại kho vật chứng thuộc Phân trại tạm giam **T** - Trại tạm giam số 2 **Công an tỉnh T**.

Tại Cáo trạng số 46A/CT-VKS-KV1 ngày 04/7/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh truy tố bị cáo **Nguyễn Duy T**, **Trương Thanh H1**, **Nguyễn Văn D1** và **Nguyễn Minh T3** về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Duy T**, **Trương Thanh H1**, **Nguyễn Văn D1** và **Nguyễn Minh T3** phạm tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

- Về trách nhiệm hình sự:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58 BLHS: Đề nghị xử phạt bị cáo **Nguyễn Duy T** từ 06 tháng đến 12 tháng tù giam, về tội “Đánh bạc”.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58 BLHS: Đề nghị xử phạt bị cáo **Trương Thanh H1** từ 06 tháng đến 12 tháng tù giam, về tội “Đánh bạc”.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58 BLHS: Đề nghị xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn D1** từ 06 tháng đến 12 tháng tù giam, về tội “Đánh bạc”.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58 BLHS: Đề nghị xử phạt bị cáo **Nguyễn Minh T3** từ 06 tháng đến 12 tháng tù giam, về tội “Đánh bạc”.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đưa ra quan điểm về xử lý vật chứng và án phí đối với các bị cáo.

Trong phần tranh luận và lời nói sau cùng: Bị cáo **Nguyễn Duy T**, **Trương Thanh H1**, **Nguyễn Văn D1** và **Nguyễn Minh T3** chỉ xin giảm nhẹ hình phạt và không có tranh luận gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh, Kiểm sát viên:* Trong quá trình điều tra, truy tố, cơ quan điều tra, Viện kiểm sát đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Tây Ninh đã bổ sung nội dung còn thiếu trong phần trích dẫn khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự của bản cáo trạng, cụ thể là bổ sung hình phạt tiền “Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng” là một trong các hình phạt chính đối với tội “Đánh bạc”. Hội đồng xét xử xét thấy việc bổ sung này chỉ nhằm viên dẫn đầy đủ nội dung của điều luật được áp dụng, không làm thay đổi tội danh, điều khoản truy tố, hành vi phạm tội, giới hạn xét xử hoặc quan điểm truy tố của Viện kiểm sát; đồng thời không làm phát sinh hoặc ảnh hưởng đến quyền bào chữa và các quyền tố tụng khác của bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận việc bổ sung của đại diện Viện kiểm sát và tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng người này đã có lời khai trong quá trình điều tra và việc vắng mặt này không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về hành vi phạm tội của các bị cáo:* Xét lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người tham gia tố tụng khác cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ

án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 22 giờ ngày 14/02/2026, tại quán nước của bà Lê Thị B thuộc ấp A, xã T, tỉnh Tây Ninh, bị cáo Nguyễn Duy T rủ các bị cáo Trương Thanh H1, Nguyễn Văn D1 và Nguyễn Minh T3 đánh bài binh xập Xám được thua bằng tiền. Các bị cáo thống nhất mỗi ván đặt cược 50.000 đồng, thay nhau làm cái và đánh được khoảng 06 ván đến khoảng 23 giờ 50 phút cùng ngày bị lực lượng Công an phát hiện, bắt quả tang. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 5.100.000 đồng.

[3] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử đã cân nhắc toàn diện tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân của từng bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình hiện nay.

Hành vi đánh bạc trái phép của các bị cáo tuy số tiền sử dụng vào việc đánh bạc không lớn nhưng đã xâm phạm đến trật tự công cộng, làm ảnh hưởng đến nếp sống văn minh và trật tự xã hội. Đánh bạc là một tệ nạn xã hội tồn tại dai dẳng, là nguyên nhân phát sinh nhiều hành vi vi phạm pháp luật và tội phạm khác như cho vay nặng lãi, trộm cắp, cướp giật, cố ý gây thương tích, gây rối trật tự công cộng, làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình và sự ổn định của đời sống xã hội. Vì vậy, mọi hành vi đánh bạc trái phép đều phải được phát hiện và xử lý nghiêm minh nhằm bảo đảm hiệu lực quản lý của Nhà nước, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội và nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong nhân dân.

Tuy nhiên, hình phạt trong pháp luật hình sự không chỉ nhằm trừng trị người phạm tội mà còn hướng đến mục đích giáo dục, cải tạo họ trở thành công dân có ích cho xã hội. Việc lựa chọn loại hình phạt phải dựa trên nguyên tắc cá thể hóa trách nhiệm hình sự, bảo đảm tương xứng giữa tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội với nhân thân và khả năng tự cải tạo của người phạm tội, tránh xử lý quá nghiêm khắc nhưng cũng không được quá nhẹ, làm giảm hiệu quả phòng ngừa chung.

Trong vụ án này, các bị cáo đều phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trước khi thực hiện hành vi phạm tội đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng. Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi vi phạm, thể hiện thái độ ăn năn, hối cải, không quanh co chối tội, góp phần làm sáng tỏ nội dung vụ án, thể hiện sự nhận thức được tính sai trái trong hành vi của mình. Các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử cũng nhận thấy hành vi phạm tội của các bị cáo mang tính tự phát trong phạm vi một nhóm người quen biết, không có dấu hiệu tổ chức, không lôi kéo nhiều người tham gia, không sử dụng thủ đoạn tinh vi, không nhằm mục đích thu lợi bất chính với quy mô lớn; số tiền sử dụng vào việc đánh bạc không lớn. Sau khi bị phát hiện, các bị cáo đều có thái độ hợp tác với

cơ quan tiến hành tố tụng, nhận thức rõ hậu quả pháp lý do hành vi của mình gây ra và mong muốn được sửa chữa sai lầm.

Đối với bị cáo **Nguyễn Duy T** là người khởi xướng việc đánh bạc, chủ động rủ rê các bị cáo khác cùng tham gia, đồng thời chuẩn bị bộ bài để làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội. Mặc dù đây là vụ án đồng phạm giản đơn, không có sự phân công vai trò chặt chẽ, nhưng chính hành vi khởi xướng và tạo điều kiện để việc đánh bạc được thực hiện của bị cáo **T** đã giữ vai trò tích cực hơn so với các bị cáo còn lại. Vì vậy, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xác định bị cáo **Nguyễn Duy T** phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn các bị cáo **Trương Thanh H1**, **Nguyễn Văn D1** và **Nguyễn Minh T3**, nhằm bảo đảm nguyên tắc cá thể hóa trách nhiệm hình sự và hình phạt.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc áp dụng hình phạt tù hoặc cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo trong trường hợp này là chưa thật sự cần thiết. Khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự cho phép Tòa án lựa chọn hình phạt tiền là hình phạt chính đối với người phạm tội đánh bạc khi xét thấy đủ điều kiện. Đối chiếu với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ của từng bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng việc áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính vừa bảo đảm sự nghiêm minh của pháp luật, vừa phù hợp với chính sách hình sự đề cao giáo dục, phòng ngừa và tạo điều kiện cho người phạm tội lần đầu được tiếp tục lao động, làm việc, chăm lo gia đình, khắc phục hậu quả từ chính hành vi của mình.

Việc buộc các bị cáo phải chịu một khoản tiền phạt tương xứng với hành vi phạm tội không chỉ tước bỏ lợi ích vật chất mà các bị cáo hưởng đến khi thực hiện hành vi đánh bạc, mà còn là sự cảnh tỉnh nghiêm khắc để các bị cáo nhận thức rằng mọi hành vi vi phạm pháp luật đều phải trả giá bằng trách nhiệm pháp lý tương xứng. Đồng thời, hình phạt này vẫn bảo đảm tác dụng răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và góp phần phòng ngừa chung trong xã hội, thể hiện sự nghiêm minh nhưng cũng đầy tính nhân văn của pháp luật hình sự Việt Nam, kết hợp hài hòa giữa trừng trị và giáo dục, giữa bảo vệ trật tự pháp luật với tạo cơ hội cho người phạm tội sửa chữa sai lầm, trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Về hình phạt bổ sung, hội đồng xét xử áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền nên quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[4] *Về vật chứng của vụ án*: Đối với bộ bài Tây 52 lá là công cụ các bị cáo sử dụng để phạm tội cần tịch thu, tiêu hủy. Đối với số tiền 5.100.000 đồng là tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[5] Đối với bà **Lê Thị B** là người quản lý quán nước nơi các bị cáo đánh bạc nhưng kết quả điều tra xác định bà **B** không biết các bị cáo đánh bạc được thua bằng tiền nên cơ quan tiến hành tố tụng không xem xét trách nhiệm hình sự đối với bà là có căn cứ, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] *Về án phí hình sự sơ thẩm*: Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Duy T**, **Trương Thanh H1**, **Nguyễn Văn D1** và **Nguyễn Minh T3** phạm tội “Đánh bạc”.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật Hình sự:

2.1. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Duy T** 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) là hình phạt chính.

2.2. Xử phạt bị cáo **Trương Thanh H1** 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) là hình phạt chính.

2.3. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn D1** 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) là hình phạt chính.

2.4. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Minh T3** 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) là hình phạt chính.

Các bị cáo có trách nhiệm nộp tiền phạt theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

3.1. Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 5.100.000đ (năm triệu một trăm nghìn đồng) là tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc.

3.2. Tịch thu, tiêu hủy 01 bộ bài Tây 52 lá là công cụ các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội.

(Vật chứng hiện được giữ tại kho vật chứng thuộc Phân trại tạm giam **T** - Trại tạm giam số 2 **Công an tỉnh T** theo lệnh nhập vật chứng số 892/LNK-VPCQCSĐT và 893/LNK-VPCQCSĐT cùng ngày 08/6/2026 của Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh T**.)

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo **Nguyễn Duy T**, **Trương Thanh H1**, **Nguyễn Văn D1** và **Nguyễn Minh T3** mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo phần bản

án có liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự số: 106/2025/QH15 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án và thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự; người phải thi hành án có điều kiện thi hành án mà không tự nguyện thi hành thì bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 4 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;(01)
- VKSND tỉnh Tây Ninh;(01)
- VKSND KV1-Tây Ninh;(01)
- Công an tỉnh Tây Ninh;(01)
- Phòng THADS KV1-Tây Ninh;(01)
- UBND (nơi bị cáo cư trú);(02)
- Bị cáo;(04)
- Đường sự(01)
- Bộ phận THA hình sự;(07)
- Lưu: hồ sơ vụ án, AV.(02)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Ngọc Tuyền

